

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST.

Ngày 08-5-2018.

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân nhân:

Bà Lê Thị Thùy Vân;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Thanh B, sinh năm 1965; thường trú: Ấp 2, xã H, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đậu Văn C, sinh năm 1988; thường trú: Ấp M, xã L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương – Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 02 năm 2017); có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Trương Văn N, sinh năm 1970;

2. Bà Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1973;

Cùng thường trú: Ấp BC, xã P1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị K, sinh năm 1974; thường trú: Ấp 2, xã H, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (ngày 27/4/2018 có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Trương Thị A, sinh năm 1964; thường trú: Ấp Bàu Cỏ, xã P1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2017, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Hồ Thanh B là ông Đậu Văn C trình bày:

Ngày 11/11/2013, tại nhà bà Trương Thị A tọa lạc ấp BC, xã P1, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, ông Hồ Thanh B, bà Lê Thị K cùng với ông Trương Văn N, bà Lê Thị Mỹ P có làm “giấy xác nhận nợ” với nội dung “Xác nhận hiện giờ ông N và bà P có nợ ông Hồ Thanh B số tiền là 120.000.000 đồng”. Việc tổng hợp xác nhận nợ có làm giấy tay, ông N, bà B ký tên và điểm chỉ. Tuy nhiên, đến nay đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông N và bà P không thanh toán cho ông B. Ngày 06/3/2017, ông B có làm thông báo thu hồi nợ gửi cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không thanh toán cho nguyên đơn. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông N và bà P thanh toán số tiền 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Lê Thị Mỹ P trình bày: Bà P có mượn tiền của bà K, ông B nhiều lần trả góp theo ngày (1.000.000 đồng thì mỗi ngày sẽ góp thành 1.200.000 đồng). Bà P vay nhiều lần nên không nhớ rõ cụ thể số lần vay. Những lần bà P vay và đóng lãi đều do bà K là vợ của ông B ghi đầy đủ vào sổ của bà K. Bà P cũng không nhớ rõ thời gian nào ông B cộng lại số tiền còn thiếu của ông B là 46.300.000 đồng cộng với số tiền bà P vay ông B 25.000.000 đồng có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 71.300.000 đồng. Sau đó khoảng 01 tuần thì bà P và ông N có tới nhà ông B đưa 30.000.000 đồng nhưng ông B không đồng ý mà yêu cầu bà P trả 50.000.000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Qua ngày hôm sau ông B và bà K đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua nhà bà P yêu cầu bà P và ông N ký giấy giao tiền cho ông B mới lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông B nói bà P chờ ông B viết mấy chữ rồi ký nhưng do lúc đó khoảng hơn 18 giờ nên bà P phải về nấu cơm, mình ông N ở lại làm giấy với ông B. Sau đó ký như thế nào thì bà P không biết. Số tiền bà P còn nợ lại ông B chỉ khoảng 21.000.000 đồng. Nhưng bà P vẫn đồng ý trả cho nguyên đơn 80.000.000 đồng. Còn 120.000.000 đồng thì bà P không đồng ý.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông N trình bày: Ông N không biết việc bà P mượn tiền của ông B như thế nào. Khi ký ông N không yêu cầu ông B đọc lại cho ông N nghe. Thời điểm ông N ký giấy

thì ông B chưa ghi nội dung. Khi ông B qua nhà bà A nói ông N là ký đi rồi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông N đồng ý ký và lăn tay. Khi ông N ký thì gia đình có nhiều người chứng kiến, có bà A chứng kiến nên bà A ký vào giấy luôn. Ông N đồng ý chữ ký và dấu lăn tay trong giấy xác nhận nợ ngày 11/11/2013 là của ông N. Nay nguyên đơn khởi kiện ông N và bà P phải thanh toán số tiền 120.000.000đ, ông N không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà K trình bày: Bà K cho bà P mượn tiền nhiều lần, lần thì 3.000.000đồng, 5.000.000đồng, 7.000.000đồng, 10.000.000đồng, 13.000.000đồng; những lần cho bà P vay tiền, bà K ghi vào sổ, đến ngày 11/11/2013 hai bên đã tổng hợp xác nhận lại số tiền nợ là 120.000.000 đồng. Đến 17 giờ ngày 11/11/2013, bà K và ông B đến nhà bà A làm giấy xác nhận nợ với bà P và ông N. Khi làm giấy có sự chứng kiến của ông N, bà P, bà A, bà K và ông B. Giấy xác nhận nợ ngày 11/11/2013, do ông B ghi, sau đó có đọc lại cho tất cả cùng nghe và yêu cầu ông N, bà A ký tên, lăn tay vào giấy nhận nợ.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Trương Thị A trình bày: Ngày 11/11/2013, ông B, ông N, bà P có đến nhà bà A để tổng hợp tiền nợ như thế nào thì bà A không rõ vì khi đó có bà A đang bận việc nhà thì con của bà A nói vào ký giấy nên bà A có ký vào nhưng không đọc nội dung, cũng không nhớ có nội dung gì trong giấy, chỉ nghe ký làm chứng cho ông N lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà A ký vào. Ngoài ra, không biết gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ có thể xác định được ông N và bà P có nợ của ông B số tiền 120.000.000 đồng, quá trình lấy lời khai, hòa giải ông N, bà P thừa nhận chữ ký trong giấy nợ là của ông N, bà P và đồng ý trả 80.000.000 đồng cho ông B. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trương Văn N và bà Lê Thị Mỹ P trả số tiền 120.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Văn N, bà Lê Thị Mỹ P, người làm chứng bà Trương Thị A được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản. Bị đơn hiện cư trú tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn ông Hồ Thanh B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Văn N, bà Lê Thị Mỹ P trả số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là giấy xác nhận nợ có chữ ký, lấn tay của ông Trương Văn N, bà Trương Thị A.

Bị đơn ông Trương Văn N trình bày chữ ký, lấn tay trong giấy xác nhận nợ là của ông nhưng ông không có mượn, ông chỉ ký một lần để chuộc lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình chứ không vay nợ của ông B. Bà Lê Thị Mỹ P thừa nhận chữ ký, lấn tay trong giấy xác nhận nợ là của ông N nhưng việc vay nợ là của bà P với gia đình ông B và bà vay nhiều lần nhưng hiện tại theo bà thì bà chỉ có nợ gia đình ông B số tiền 21.000.000 đồng. Nếu ông B kiên quyết yêu cầu bà trả thì bà chỉ đồng ý trả 80.000.000 đồng (theo lời khai tại biên bản hòa giải ngày 18/01/2018).

Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có sự việc vay mượn tiền (bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các giấy mượn tiền do nguyên đơn yêu cầu là của bị đơn); do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cho rằng trước đây có nợ nhưng đã trả, số tiền nợ còn lại chỉ khoảng 21.000.000 đồng nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bị đơn. Lời khai của người làm chứng không đủ căn cứ để thể hiện việc ông N ký vào giấy xác nhận nợ là

để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà P và ông N là vợ chồng, việc vay mượn tiền là để mua xe mô tô và mua cây cao su để cạo mủ phục vụ cho gia đình nên đây là nợ chung và ông N, bà P có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ. Về lãi suất phát sinh, do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), phù hợp với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tại phiên tòa.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 185, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 155, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Thanh B đối với bị đơn ông Trương Văn N, bà Lê Thị Mỹ P về “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Buộc bị đơn ông Trương Văn N, bà Lê Thị Mỹ P phải trả cho nguyên đơn ông Hồ Thanh B số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Văn N và bà Lê Thị Mỹ P có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho nguyên đơn ông Hồ Thanh B số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số AA/2016/0007770 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Duyên